

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều khoản tham chiếu tệp tin đính kèm

E-ĐKC 15	<p>Mức phạt:</p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng:</p> <p>1.1. Nhà thầu vi phạm thời gian thi công công trình, thời hạn hoàn thành hợp đồng do lỗi chủ quan của nhà thầu, không do các nguyên nhân khách quan khác:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.- Chậm mỗi 10 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. <p>1.2. Chất lượng thi công công trình không đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng:</p> <p>Phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu, các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong hồ sơ mời thầu.- Thi công công trình không đảm bảo chất lượng gây lún, nứt, thấm nước,... hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ, không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng mà không phải nguyên nhân từ chủ đầu tư.- Thi công xây dựng công trình không phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt mà không có ý kiến chấp thuận của chủ đầu tư.- Thi công xây dựng công trình không phù hợp với biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn. <p>1.3. Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>2. Bồi thường: Ngoài việc phạt hợp đồng các trường hợp vi phạm tại mục 1, nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có). Mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia.</p>
E-ĐKC 13.1	<p>a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản.</p> <p>b) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu.</p> <p>c) Số lần thanh toán:</p> <p>Việc thanh toán được chia làm 02 lần:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lần 1: Hoàn thành khối lượng đạt $\geq 20\%$ giá hợp đồng, thanh toán tối đa đến 90% giá hợp đồng.- Lần 2: Quyết toán công trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà

	<p>thầu số tiền còn lại và giữ 5% giá trị quyết toán để bảo hành công trình theo qui định.</p> <p>d) Hồ sơ thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn và đại diện Nhà thầu (biên bản nghiệm thu có ghi khối lượng); - Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng, chưa có đơn giá trong Hợp đồng (<i>nếu có</i>), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng và đại diện Nhà thầu; - Đề nghị thanh toán của nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (<i>nếu có</i>), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu; - Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng (<i>nếu có</i>), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng và đại diện Nhà thầu; - Bảng quyết toán khối lượng hoàn thành chi tiết có xác nhận của chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng và đại diện Nhà thầu; - Hoá đơn thuế giá trị gia tăng Nhà thầu xuất cho chủ đầu tư.
<p>E-ĐKC 12.1</p>	<p>a) Giá trị tạm ứng: Không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (giá trị trước thuế VAT) tại thời điểm ký kết.</p> <p>b) Bảo lãnh tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị:đồng [bằng với giá trị tạm ứng]. - Hình thức: Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. - Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. - Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong

việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng

c) Hồ sơ tạm ứng:

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Bảo lãnh tiền tạm ứng.
- Văn bản đề nghị tạm ứng của Nhà thầu.

d) Thời gian tạm ứng: Trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ của nhà thầu.

đ) Thu hồi tạm ứng:

Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt **80%** giá hợp đồng. Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định như sau:

$$\text{Tỷ lệ giải trừ từng đợt (\%)} = \frac{\% \text{ giá trị khối lượng thanh toán đợt so với giá trị hợp đồng}}{80\%} \times 100\%$$

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho chủ đầu tư.